

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/DS-ST
Ngày: 28-9-2018
V/v tranh chấp về hợp đồng dân
sự vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Võ Văn Vui;
2. Bà: Nguyễn Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thơ, *Thư ký Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Nhã - *Kiểm sát viên.*

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 172/2018/TLST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2018/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2018/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Cẩm T, sinh năm 1969; Khu phố 4, thị trấn DT, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm: 1985; địa chỉ cư trú: 192/4B khu phố N, phường S, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin vắng).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1967; ông Nguyễn Văn R, sinh năm: 1961; địa chỉ: Ấp 1, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; (bà N có mặt, ông R vắng mặt lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 6 năm 2018, bà Đỗ Thị Cẩm T trình bày: Ngày 13-11-2015 ông R và bà N có vay của bà số tiền 285.000.000 đồng, hai bên có làm giấy hợp đồng vay tiền, vợ chồng ông R và bà N có tự nguyện thế chấp lại cho bà một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông R, bà N đứng tên, hai bên thỏa thuận cho vay từ ngày 13-11-2015 đến ngày 12-11-2018 nhưng sau đó do bà N ông R nợ người khác họ thừa kiện nên tài sản thế chấp cho bà đã bị kê biên phát mãi để trả nợ. Hiện nay bà vẫn là người giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà T khởi kiện yêu cầu ông R, bà N trả nợ gốc 285.000.000 đồng.

Đại diện cho nguyên đơn anh Tình trình bày: Bà T yêu cầu bà N, ông R trả số tiền theo hợp đồng vay tiền ngày 13 tháng 11 năm 2015, là 285.000.000 đồng bên vay vợ là bà N và chồng là ông R ký tên, ghi họ tên và lấn dấu vân tay trong hợp đồng vay tiền. Tại phiên hòa giải bà N có xin giảm số tiền lãi hui là 37.751.000 đồng bên bà T không đồng ý.

Bị đơn bà N trình bày: Trong số tiền bà N, ông R nợ bà T 285.000.000 đồng gồm tiền vay 100.000.000 đồng để bà đi chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chồng bà đứng tên về để thế chấp cho bà T làm tin và tiền hui nợ bà T 185.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận xong thì bà T lập văn bản hợp đồng vay tiền và hai bên ký tên.

Số tiền hui 185.000.000 đồng gồm có vốn và lãi hui do bà N làm chủ thảo bà T là hui viên, khi hui vỡ thì hai bên có ngồi lại để cộng số tiền vốn hui bà T góp cho bà được 147.249.000 đồng, còn lãi hui là 37.751.000 đồng nay bà xin lại phần lãi đồng ý trả lại tiền vốn cho bà T.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự.

Nguyên đơn tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, người đại diện có đơn xin vắng không tham gia phiên tòa. Đối với bị đơn ông R từ bỏ quyền tham gia tố tụng tại phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn 285.000.000 đồng; về án phí sơ thẩm bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 07-06-2018, bà T khởi kiện yêu cầu ông R, bà N trả nợ số tiền cho vay gốc là 285.000.000 đồng, Tòa án thụ lý vụ án về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Ông R vắng mặt nhưng Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục để bảo đảm cho việc xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt.

[2] Về nội dung: Xét thấy bà N thừa nhận bà N, ông R là người vay tiền và nợ tiền hụi của bà T có viết giấy mượn tiền, ký tên và lặn tay nhận nợ vào ngày 13-11-2015, tổng cộng là 285.000.000 đồng. Như vậy có căn cứ để kết luận vợ chồng ông R, bà N có vay của bà N số tiền 285.000.000 đồng, do vợ chồng bà N vi phạm nghĩa vụ hai bên đã thỏa thuận, bà T khởi kiện yêu cầu ông R, bà N trả nợ là có căn cứ. Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ do bà T cung cấp và lời thừa nhận nợ của bà N để chấp nhận yêu cầu của bà T, buộc ông R và bà N phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà T số tiền 285.000.000 đồng là có căn cứ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét đề nghị này phù hợp nên chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Cẩm T đối với ông Nguyễn Văn R, bà Nguyễn Thị Hồng N yêu cầu trả nợ tiền gốc. Buộc ông Nguyễn Văn R, bà Nguyễn Thị Hồng N có nghĩa vụ trả nợ cho bà Đỗ Thị Cẩm T số tiền 285.000.000 (hai trăm mười tám mươi lăm triệu) đồng.

2. Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà N, ông R không trả nợ thì hàng tháng bà N, ông R còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông R, bà N phải chịu 14.250.000 đồng. Bà T không phải chịu án phí hoàn trả bà T 7.125.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010666 ngày 15-6-2018 của Chi cục Thi hành án Huyện D.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án người có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện D;
- Chi cục THADS H.D;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Vũ Văn Khanh

***Nơi nhận:* TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh TN; **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- VKSND Huyện DMC;
- Chi cục THADS Huyện DMC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án./.

VŨ VĂN KHANH